

Bản án số: 80/2018/DS-PT

Ngày: 23/4/2018

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Trang.

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Linh

Bà Nguyễn Thị Kim Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT-DS ngày 08/01/2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2017/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2018/QĐ-PT ngày 14/3/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành H**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 4, xã TM, huyện TB, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim E**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp Long M, xã Long G, huyện CM, tỉnh A.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp VT, xã PĐ, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu phố VĐ 2, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp VT, xã PĐ, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thành H – Nguyên đơn.

(Ông N, bà Kim E có mặt; bà Đ, ông V, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- ***Nguyên đơn ông Nguyễn Thành H trình bày:*** Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Phan Thị S cho con là ông Nguyễn Văn Y vào năm 1950, đến năm 1993 ông Y cho con là ông Nguyễn Thành H. Năm 1995 bà Bành Thị L hỏi ở nhờ 02 năm nhưng sau đó chiếm ở luôn. Năm 1996 ông có yêu cầu trả đất nhưng bà L không trả, ông có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng chính quyền không nhận đơn, hiện nay những người làm việc trước đây không nhận đơn của ông đã chết.

Ông yêu cầu ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn V phải tháo dỡ nhà, di dời đi nơi khác trả diện tích đất 335,3m², nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V570408 do Ủy ban nhân dân huyện VT cấp ngày 23/8/2002, thửa số 05, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp VT, xã PĐ, huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Phần đất có tứ cận như sau: Mặt tiền giáp lộ Vĩnh Phong, phía chợ VT giáp Trần Thanh D, phía vòm Chắc Bàng giáp Nguyễn Thành U, phía sau hậu giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Thành H.

- ***Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*** Diện tích đất ông H yêu cầu có nguồn gốc của cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn Ch, bà Bành Thị L ở trước năm 1960. Cha mẹ ông cất nhà sinh sống trên đất này, năm 1972 ông Nguyễn Văn Ch hy sinh, bà L cùng với ông và ông Việt sinh sống trên đất này. Năm 2004 Nhà nước cất nhà tình nghĩa cho bà L, đến năm 2013 bà L chết để lại đất và nhà cho ông ở cho đến nay. Đất và nhà ông đang ở không nằm trong diện tích đất của ông H nên ông không đồng ý với yêu cầu của ông H. Ông không yêu cầu bồi thường nhà, công trình và cây trồng trên đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Nguyễn Văn V vắng mặt không có lời trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DSST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn V tháo dỡ nhà, di dời đi nơi khác trả diện tích đất 335,3m², tọa lạc tại ấp VT, xã PĐ, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn ông Nguyễn Thành H có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn V tháo dỡ, di dời hai căn nhà để trả lại đất diện tích 335,3m² cho ông theo tờ trích đo ngày 05/7/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện VT và theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V570408 tờ bản đồ số 01, thửa 05 do UBND huyện VT cấp cho ông ngày 23/8/2002.

Tại phiên tòa: đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Kim E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo buộc ông N và ông Việt phải trả lại đất. Bị đơn là ông N yêu cầu bác đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Nguyễn Văn V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đ và ông V.

[2]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng quy định.

[3]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 07/8/2015 tại ấp VT, xã PĐ, huyện VT và lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1931 (BL 10), ông Võ Ngọc V1 - sinh năm 1927 (BL 12) thì phần diện tích đất 335,3m² đang tranh chấp giữa ông H với ông N trước đây do bà Từ Thị S khai phá (bà S là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thành Y, ông Y là cha của ông H và bà Kim E). Năm 1969, gia đình bà S cho vợ chồng bà Bành

Thị L, ông Nguyễn Văn Ch (bà L là cháu bạn dì ruột của bà Từ Thị S) cất nhà ở trên phần đất này.

Năm 1979, ông Ch hy sinh thì bà L cùng các con là ông N và ông V tiếp tục ở trên đất. Ông N cho rằng trong quá trình mẹ con ông ở trên đất thì ông H không tranh chấp hay ngăn cản gì, cụ thể là vào năm 2004 khi Nhà nước bàn giao mặt bằng xây nhà tình nghĩa cho mẹ ông thì không ai đứng ra ngăn cản hay tranh chấp. Năm 2013, bà L chết thì ông N và ông V vẫn tiếp quản lý, sử dụng ở trên đất cho đến năm 2015 thì xảy ra tranh chấp.

[4]. Lời trình bày của ông N là phù hợp với nội dung Công văn số 94/LĐTBXH ngày 14/9/2017 của Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện VT xác nhận vào năm 2004 khi Nhà nước có bàn giao mặt bằng xây nhà tình nghĩa cho bà L năm 2004 thì không ai ngăn cản hay tranh chấp với bà L (BL 82). Trong khi đó, ông H cho rằng vào năm 1996 ông có yêu cầu bà L trả lại đất và nộp đơn yêu cầu chính quyền giải quyết tranh chấp đất, tuy nhiên ông H không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở theo quy định Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là bà Kim E cho rằng diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 335,3m² là nằm trong phần diện tích đất 879m² có số thửa 05, tờ bản đồ số 1 mà ông H đã được UBND huyện VT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số V570408 vào ngày 23/8/2002. Tuy nhiên, tại Công văn số 10/CNVPĐKĐĐ ngày 23/12/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VT xác định thì khu đất đang tranh chấp không nằm trong diện tích đất đã cấp cho ông H và hiện chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai và cũng chưa cho số thửa (BL số 68). Đồng thời, ông Nguyễn Thành U (em ruột ông H) là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất của H cũng xác định vị trí đất hiện ông đang sử dụng là đất cấp cho ông H theo giấy chứng nhận và nằm ngoài đất tranh chấp với ông N.

Ngoài ra, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang cũng thể hiện phần đất của ông H nằm ngoài phần đất tranh chấp với ông N có diện tích hơn 1000m². Phần đất này ông Nguyễn Thành U đang quản lý, sử dụng.

[6]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật để công nhận phần đất tranh chấp đã được bà L, ông N, ông V quản lý sử dụng ngay tình, liên tục và công khai trên 46 năm là của gia đình bà L và bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[7]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Kim E không cung cấp được chứng cứ nào mới có giá trị pháp lý để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông H là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông H.

[8]. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm, ông N không yêu cầu công nhận đất cho ông mà để gia đình ông tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

[9]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn Thành H phải chịu số tiền 2.994.000 đồng. Ông H đã nộp xong theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10]. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Thành H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Thành H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thành H.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn Việt tháo dỡ nhà, di dời đi nơi khác trả diện tích đất 335,3m², tọa lạc tại ấp VT, xã PD, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn Thành H phải chịu số tiền 2.994.000 đồng và ông H đã nộp xong.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành H phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.535.000 đồng (Hai triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004301 ngày 18/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, ông H được hoàn trả số tiền là 2.335.000 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005443 ngày 10/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện VT;
- Chi cục THADS huyện VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Thị Minh Trang